

Hệ thống giáo dục

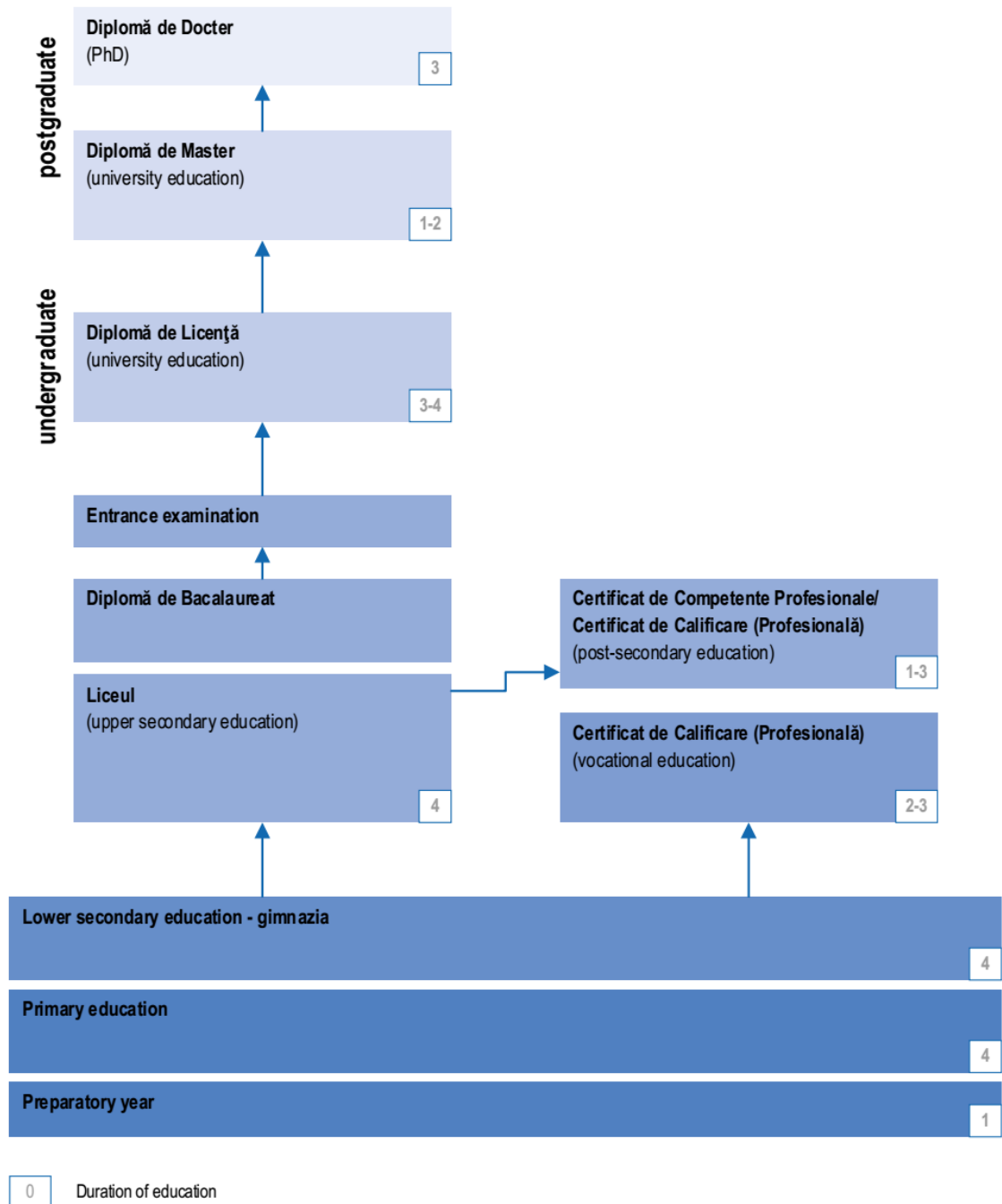
Romania

Miêu tả và so sánh với hệ thống giáo dục Hà Lan



Ngoại trừ những hình ảnh và minh họa, ấn phẩm này phải tuân theo Giấy phép Ghi nhận bản quyền phi thương mại 3.0- Creative Commons Attribution Non- Commercial 3.0 Unported (CC BY-NC 3.0). Để biết thêm thông tin về việc tái sử dụng ấn phẩm này xin hãy truy cập website. <https://www.nuffic.nl/en/home/copyright>.

▪ Hệ thống giáo dục Romania



▪ Bảng đánh giá

Cột trái trong bảng dưới đây liệt kê những văn bằng nước ngoài phổ biến nhất có thể áp dụng để nhập học đại học. Những cột còn lại so sánh với Hà Lan, với mức tương ứng trong Khung Trình độ Hà Lan và châu Âu.

Degree or qualification and EHEA-QF level		EQF level	Dutch equivalent and NLQF level		EQF level
<i>Certificat de Competente Profesionale/Certificat de Calificare (Profesională)</i> obtained in post-secondary education			MBO diploma (qualification level 3 or 4)	3/4	3/4
<i>Diplomă de Bacalaureat</i>			VWO diploma	4+	4
<i>Diplomă de Bacalaureat</i> (obtained before 2005)			HAVO diploma	4	4
<i>Diplomă de Licență (Ciclul I)</i> (3 to 4 years)	1 st	6	HBO or WO bachelor's degree	6	6
<i>Diploma de Inginer (Ciclul I)</i> (4 years)	1 st	6	HBO or WO bachelor's degree	6	6
<i>Diplomă de Licență, Diplomă de Arhitect (Ciclul I and II)</i> (5 to 6 years in regulated professions)	2 nd	7	HBO or WO master's degree	7	7
<i>Diploma de Master (Ciclul II)</i> (1 to 2 years)	2 nd	7	HBO or WO master's degree	7	7

▪ Giới thiệu

Romania là một nước Cộng hòa Nghị viện nằm ở phía Đông Bắc Âu. Romania trở thành một thành viên của EU vào năm 2007.

Thế chế Chính trị

Romania có thể chế chính phủ cộng hòa kể từ sự sụp đổ của chế độ Cộng sản vào năm 1989. Nghị viện có quyền lập pháp và bao gồm hai viện, tổng thống là người đứng đầu nhà nước. Romania được chia thành 41 quận.

Ngôn ngữ

Romania có nhiều nhóm người thiểu số (người Hungary và người Roma) và những nhóm thiểu số nhỏ hơn như người Đức và Serbia. Tất cả những nhóm người thiểu số được công nhận có thể nhận được giáo dục bằng tiếng mẹ đẻ của mình.

Giáo dục

Chịu trách nhiệm chính trị cho Hệ thống Giáo dục thuộc thẩm quyền của Bộ Giáo dục và Nghiên cứu Khoa học (*Ministerul Educației și Cercetării Științifice*).

Trong khoảng thời gian Cộng sản (1946 – 1989), phát triển kinh tế là tập trung cơ bản của quốc gia. Hệ thống giáo dục vì vậy mà tập trung vào những chương trình kỹ thuật và những môn học hỗ trợ hệ tư tưởng Cộng sản. Các cơ sở giáo dục chuyên môn hóa cao và giáo dục tự thực bị cấm. Trong những năm đầu 1990, các cơ sở giáo dục nắm quyền tự chủ nhiều hơn thông qua:

- Pháp luật mới;
- Cải cách chương trình giảng dạy;
- Giảm số lượng các chương trình kỹ thuật;
- Cho phép cơ sở giáo dục tự thực.

Thông qua Luật Cơ sở đào tạo vào năm 2004 (*Lege nr. 288*), giáo dục đại học được chia ra làm 3 chu kỳ theo Tiến trình Bologna:

- Cử nhân
- Thạc sỹ
- Tiến sỹ

Luật Giáo dục Quốc gia hiện hành được thông qua vào năm 2011.

Một số đặc điểm tổng quát:

- Giáo dục bắt buộc: Từ 6 đến 17 tuổi.
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Romania. Một số chương trình học cũng được cung cấp bằng tiếng thiểu số (ví dụ như tiếng Đức, tiếng Hungary) hoặc ngôn ngữ cụ thể của trường (tiếng Anh hay tiếng Pháp).
- Độ dài năm học: Từ giữa tháng 9 đến tháng 6 năm sau (2 kỳ).

▪ Giáo dục tiểu học và phổ thông

Giáo dục công lập tại Romania hoàn toàn miễn phí. Cũng có một số trường tư thục có triết lý giảng dạy cụ thể hoặc ngôn ngữ giảng dạy khác (ví dụ như tiếng Anh hoặc Pháp).

Giáo dục tiểu học

Học sinh tiếp nhận Giáo dục Tiểu học (*invatamantul primar*) tại trường tiểu học (*scoala primara*) nơi các giáo viên dạy:

- Năm 0, năm chuẩn bị cho trẻ 6 tuổi (bắt buộc từ năm 2012);
- Năm 1 – 4, cho học sinh từ 7 đến 11 tuổi.

Giáo dục phổ thông

Giáo dục phổ thông gồm 3 giai đoạn:

- Giáo dục Trung học cơ sở: Từ năm lớp 5 – lớp 8;
- Giáo dục Trung học phổ thông bắt buộc: Năm lớp 9 và lớp 10;
- Giáo dục Trung học phổ thông tự chọn: Năm lớp 11 và lớp 12.

Giáo dục Trung học cơ sở: *gimnazia*

Học sinh từ 11-15 tuổi hoàn thành những năm học trung học cơ sở (*învățământ gimnazial*, thường được định là ‘giáo dục trung học’) tại một *gimnaziu*. Tất cả học sinh đều học một chương trình giống nhau, tuy nhiên, một số trường cung cấp các chương trình học bằng ngôn ngữ đặc biệt hoặc thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin. Học sinh vượt qua kỳ thi cuối cấp trung học cơ sở được cấp Giấy chứng nhận năng lực - *Certificat de Capacitate* (kèm theo một danh sách các môn học và điểm).

Giáo dục Trung học phổ thông: *liceu*

Phụ thuộc vào kết quả trung học cơ sở của mình, học sinh có thể quyết định học tiếp lên trung học phổ thông (*liceu*). Các trường trung học phổ thông được chia ra thành hai cấp:

- *Ciclul inferior al liceului*, giáo dục trung học phổ thông cấp thấp, lớp 9 và lớp 10;
 - *Ciclul superior al liceului*, giáo dục trung học phổ thông cấp cao, lớp 11 và lớp 12*
- * Có thể đến năm thứ 13 nếu là các lớp học ban đêm.

Toàn bộ các chương trình giáo dục trung học phổ thông cung cấp 3 lộ trình; trong mỗi lộ trình, học sinh có thể chọn một chuyên ngành.

- Lộ trình mang tính lý thuyết với 2 lĩnh vực:
 1. Toán học và Khoa học
 2. Ngôn ngữ và Khoa học Xã hội
 - Lộ trình mang tính kỹ thuật với 3 lĩnh vực:
 1. Dịch vụ
 2. Tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường
 3. Công nghệ
 - Lộ trình năng khiếu với 5 lĩnh vực:
 1. Nghệ thuật
 2. Quân đội
 3. Sư phạm
 4. Thể thao
 5. Thần học
- Bằng Tốt nghiệp Trung học - *Diploma de Bacalaureat*: được cấp sau khi học sinh hoàn thành 4 năm trung học phổ thông và vượt qua kỳ thi cuối cấp quốc gia (*examen de bacalaureat*)

Chứng nhận

Có rất nhiều loại chứng nhận bên cạnh Bằng tốt nghiệp Trung học.

- Chứng nhận Hoàn thành (*Certificat de absolver*): được cấp cho học sinh sau 2 năm, từ năm lớp 8 – lớp 10.
- Chứng nhận Hoàn thành Trung học Cơ sở (*Certificat de absolvire a liceului*): được cấp cho những học sinh không tham dự hoặc trượt kỳ thi cuối cấp quốc gia. Lưu ý: Mặc dù Chứng nhận này không cho phép nhập học giáo dục đại học, Chứng nhận cung cấp cơ hội tham gia vào giáo dục sau trung học và thị trường lao động.

Bằng tốt nghiệp trung học trước năm 2005

Sau cải cách hệ thống giáo dục đại học Romania, chương trình tích hợp Cử nhân – Thạc sỹ được giới thiệu vào năm học 2005 – 2006. Việc Romania gia nhập EU vào năm 2007 mang ý nghĩa cấu trúc hệ thống giáo dục được xây dựng để tương tự hệ thống giáo dục của những nước châu Âu (xung quanh) càng nhiều càng tốt. Vì lý do này, đánh giá Bằng Tốt nghiệp Trung học đã có sự thay đổi.

Giáo dục nghề phổ thông

Tại Romania, Giáo dục nghề nghiệp phổ thông được cung cấp bởi các trường nghề Thủ công Mỹ nghệ (*școala de arte și meserii*). Học sinh bắt đầu học sau khi hoàn thành giáo dục trung học cơ sở (hoặc sau năm lớp 8 tại *gimnaziu*). Những chương trình này có 2 năm học nền tảng và 3 năm học tự chọn. Chính phủ sẽ thảo luận nhằm cải cách hệ thống này từ năm 2016 – 2020, sau đó tất cả những trường đào tạo nghề phổ thông sẽ áp dụng chương trình học 3 năm.

- Chứng chỉ: Chứng chỉ Chuyên môn – *Certificat de calificare profesionala (Profesională)* sau khi học sinh vượt qua kỳ thi chứng chỉ (*examen de certificare*). Chứng chỉ này luôn được cấp tại một cấp độ nhất định (ví dụ như cấp độ 3), và cho phép nhập học giáo dục đại học.

Loại chứng nhận này cũng bao gồm cả giáo dục nghề nói chung, và sau 3 năm học học sinh có thể tiếp tục học lên chương trình tích hợp tổng quát và những chương trình giáo dục nghề nghiệp tại “Lộ trình mang tính Kỹ thuật”. Bên cạnh chứng nhận nghề của mình,

học sinh còn có thể tham dự kỳ thi trung học phổ thông và lấy được Bằng Tốt nghiệp Trung học.

Giáo dục sau trung học

Học sinh hoàn thành giáo dục sau trung học (*învățământ postliceal*) tại những trường giáo dục sau trung học chuyên nghiệp (*școli de specializare postliceala*) hoặc *școli de maistri*.

- Thời gian: từ 1 đến 3 năm.
- Nội dung: những chương trình giáo dục kỹ thuật và nghề nghiệp trung học.
- Chứng nhận: *Certificat de Competente Profesionale, Certificat de Calificare* hoặc *Certificat de Calificare Profesională*. Những văn bằng này luôn được cấp

tại một cấp độ cụ thể (ví dụ như cấp độ 5). Chúng không cho phép nhập học vào giáo dục đại học.

▪ Nhập học vào giáo dục đại học

Tại Romania, các cơ sở giáo dục đại học tự quyết định việc nhập học. Các điều kiện tiên quyết là:

- Bằng tốt nghiệp Trung học với điểm trung bình thấp nhất là 6;
- Có thể có kỳ thi tuyển sinh hoặc *Examen de Admitere*;
- Đôi khi là phỏng vấn tuyển sinh như một phần quy trình nhập học.

Lưu ý: Những học sinh xuất sắc tham dự các kỳ thi Olympic hoặc những cuộc thi quốc gia và quốc tế khác thường được miễn tham dự bài thi tuyển sinh.

Nhà nước quyết định có bao nhiêu được hỗ trợ tài chính cho mỗi chương trình học và vì vậy có bao nhiêu học sinh trúng tuyển. Những học sinh chuẩn bị trả học phí cũng có thể được nhận; những học sinh này có những yêu cầu nhập học đơn giản hơn.

▪ Giáo dục đại học

Romania không có hệ thống giáo dục đại học nhị phân. Điều này có nghĩa là không có cơ sở giáo dục nghề chuyên nghiệp, khác với Hà Lan. Và cũng thường có sự không rõ ràng liệu một chương trình hay danh hiệu văn bằng mang bản chất học thuật hay nghề nghiệp.

Giáo dục đại học tại Romania được cung cấp bởi các trường đại học, học viện và các viện. Vào năm 2016, Romania có:

- 55 cơ sở giáo dục nhà nước;
- 37 cơ sở giáo dục tư thục được kiểm định và công nhận;
- 10 cơ sở giáo dục tư thục được công nhận và được ủy quyền tạm thời.

Những cơ sở giáo dục đại học tư thục chiếm một tỷ lệ lớn trong tất cả các loại hình giáo dục đại học và tập trung chủ yếu vào những chương trình học nghề như kinh tế, quản trị, triết học, thần học và luật. Những cơ sở giáo dục này nhận được phần lớn tài chính từ học phí và tài trợ.

Sinh viên có thể hoàn thành giáo dục đại học theo nhiều cách:

- Chính quy (*invatamant de zi*);

- Bán thời gian (*Invatamant cu frecventa redusa*);
- Các lớp học ban ngày hoặc buổi tối (*invatamant seral*);
- Giáo dục từ xa (*invatamant la distanta*).

Lưu ý, những chương trình học được thực hiện dưới dạng các lớp học buổi tối hoặc giáo dục từ xa có thể mất thêm một năm để hoàn thành so với chương trình toàn thời gian tương đương.

Tính đến năm học 2005 – 2006, tất cả các cơ sở giáo dục đại học (cả công lập và tư thục) được chia thành 3 giai đoạn:

- Giai đoạn I: *Licență, Studii universitare de licență*
- Giai đoạn II: *Master, Studii universitare de masterat*.
- Giai đoạn III: *Doctor, Studii universitare de doctorat*.

Việc Romania gia nhập vào EU vào năm 2007 đồng nghĩa với việc cấu trúc hệ thống giáo dục được xem xét lại và được xây dựng lại để tương tự với những nước châu Âu (xung quanh) càng nhiều càng tốt.

▪ Giáo dục tại các trường đại học và giáo dục nghề chuyên nghiệp

Chu trình I

Đại học Romania bao gồm 3 chu trình. Chu trình đầu tiên có tên gọi là *studii universitare de licență*.

- Thời gian: thường kéo dài 3 năm, tuy nhiên những chương trình kỹ thuật và kỹ sư kéo dài 4 năm (180-240 ECTS).
- Nội dung: Thường bao gồm thực tập (bắt buộc đối với chuyên ngành kỹ thuật hoặc kỹ sư); không phải tất cả các chương trình đều yêu cầu luận văn.
- Chứng nhận: *Diploa de Licență (ciclul I)* hoặc *Diploma de Inginer* (trong lĩnh vực kỹ thuật hoặc kỹ sư). Những văn bằng này cho phép tiếp cận thị trường lao động hoặc chương trình Thạc sỹ.

Chương trình tích hợp

- Thời gian: 5 năm (cho dược sỹ và kỹ sư đô thị) hoặc 6 năm (y khoa, nha khoa, khoa học thú y và kiến trúc), 300 – 360 ECTS. Tất cả những chương trình này đều dành cho ngành nghề quy định.
- Nội dung: Chu trình I và II.

- Chứng nhận: *Diploma de Licență or Diplomă de Arhitect*. Những văn bằng này cho phép tham gia thị trường lao động hoặc học lên chương trình Tiến sĩ.

Trước năm 2005

Giáo dục đại học được tổ chức khác trong giai đoạn trước năm 2005, bao gồm những chương trình chu kỳ ngắn (4 năm) và những chương trình chu kỳ dài hạn (5 – 6 năm). Nhìn chung, những văn bằng cũ này có giá trị thấp hơn so với những văn bằng hiện tại bởi lúc đó học sinh bắt đầu học tập khi ở trình độ thấp hơn bây giờ.

Chu kỳ II

Chu kỳ thứ II của Giáo dục đại học được gọi là *studii universitare de masterat*

- Thời gian: 1 hoặc 2 năm (60 – 120 ECTS); chương trình Thạc sỹ 1 năm nối tiếp các chương trình Cử nhân 4 năm và chương trình Thạc sỹ 2 năm nối tiếp các chương trình Cử nhân 3 năm.
- Nội dung: Chuyên môn sâu hơn Chu kỳ I, kết thúc chương trình bằng luận văn.
- Chứng nhận: *Diploma de Master (ciclul II)*. Bằng cấp này cho phép tham gia vào thị trường lao động hoặc chương trình Tiến sĩ.

Chu kỳ III

Chu kỳ thứ ba của giáo dục đại học được gọi là *studii universitare de doctorat*.

- Thời gian: 3 – 4 năm, ngoại lệ có 5 năm.
- Nội dung: có 2 loại chương trình:
 1. Những chương trình học thuật với các khóa học và đào tạo (2 – 3 kỳ) và viết/bảo vệ luận văn (3 – 4 kỳ);
 2. Những chương trình giáo dục nghề nghiệp trong lĩnh vực thể thao, âm nhạc hoặc nghệ thuật.
- Nhập học: yêu cầu *Diploma de Masterat* và đôi khi kỳ thi đầu vào hoặc một bằng *Diploma de Licență* ‘cũ’ đạt được trước khi áp dụng ‘3 – chu kỳ’ của Tiến trình Bologna, có thể kết hợp với một bài thi đầu vào.
- Chứng nhận: *Diploma de Doctor* tương tự bằng PhD.

▪ Hệ thống đánh giá

Hệ thống giáo dục đại học của Romania sử dụng thang 10 điểm, trong đó điểm 5 là điểm đạt tối thiểu và 10 là điểm cao nhất có thể đạt được.

Romania sử dụng Hệ thống Chuyển đổi Tín chỉ châu Âu (ECTS). Trung bình, 1 tín chỉ đại diện cho 27 giờ làm việc. Thông tin chi tiết về ECTS có trên Hướng dẫn sử dụng ECTS xuất bản bởi Hội đồng châu Âu.

Thông tin về giá trị điểm nước ngoài có trên trang web (chỉ có tiếng Hà Lan).

▪ Khung trình độ

Kể từ năm 2013, Romania đã có Khung Trình độ Quốc gia Romania (ROQF). Vào năm 2014, một báo cáo được trình lên đề xuất liên kết Khung Trình độ quốc gia Romania với Khung Trình độ châu Âu (EQF), song quá trình này vẫn còn đang được thực hiện. Giống như EQF, Khung Trình độ Romania bao gồm 8 cấp.

Thông tin chi tiết:

- [Romania - European inventory on NQF 2014.](#)
- [Referencing the Romanian National Qualifications Framework to the European Qualifications Framework \(December 2016\).](#)

▪ Công nhận và đảm bảo chất lượng

Nhiều tổ chức quốc gia chịu trách nhiệm công nhận và đảm bảo chất lượng.

ARACIS

Cơ quan Bảo đảm Chất lượng trong giáo dục đại học Romania (*Agentia Romana pentru Asigurarea Calitatii in Invatamantul Superior – ARACIS*) chịu trách nhiệm công nhận và đảm bảo chất lượng. ARACIS là một thành viên của Hiệp hội Đảm bảo chất lượng Giáo dục Đại học châu Âu (ENQA). ARACIS xây dựng các tiêu chuẩn và quy trình, xuất bản các báo cáo và thực hiện điều tra.

Quy trình công nhận

Việc công nhận diễn ra tại cấp trường và khoa và có hiệu lực trong 5 năm. Những khoa mới đủ tư cách công nhận tạm thời được ARACIS đánh giá hàng năm.

Nếu một báo cáo chỉ ra rằng một khoa đang hoạt động không thỏa đáng, Bộ Giáo dục Quốc gia sẽ phát hành cảnh báo và những thiếu sót phải được sửa lại trong thời hạn 1 năm. Sau 2 năm hoạt động không hiệu quả, Bộ sẽ đóng cửa khoa đó.

[Trang web của Bộ Giáo dục Romania](#) có tổng quan về những cơ sở giáo dục đại học được công nhận.

▪ Tiến trình Bologna

Romania ký Bản tuyên bố Bologna vào năm 1999. Luật *Lege nr. 288* có hiệu lực kể từ năm 2004, đạo luật quy định hệ thống giáo dục đại học Romania sẽ chiếu theo Tiến trình Bologna. Cấu trúc 3 chu kỳ (*Studii universitare de licență, Studii universitare de masterat and Studii universitare de doctorat*) được giới thiệu vào năm học 2005 – 2006.

Thông tin chi tiết có tại [trang web của Khu vực Giáo dục Đại học châu Âu \(EHEA\)](#)

▪ Hiệp ước quốc tế

Romania đã ký kết Công ước Lisbon vào năm 1997, và đã phê chuẩn Công ước vào năm 1999. Romania có các hiệp định song phương công nhận lẫn nhau trong lĩnh vực giáo dục với rất nhiều quốc gia, bao gồm Pháp, Cyprus, Hungary, Slovakia, Bulgaria, Moldova, Ukraine và Liên bang Nga.

▪ Phụ lục văn bằng

Trong năm học 2005 – 2006, tất cả các cơ sở giáo dục đại học Romania đều có nghĩa vụ pháp lý cung cấp một phụ lục văn bằng miễn phí bằng tiếng Romania và một ngoại ngữ thông dụng. Những Phụ lục văn bằng đầu tiên được cấp bởi một số cơ sở giáo dục năm 2000.

Thông tin chi tiết về Phụ lục văn bằng (DS) có trên [trang web của Ủy ban châu Âu](#).

▪ Thành phần hồ sơ

Một hồ sơ đầy đủ phải bao gồm:

- Một văn bằng;
- Tổng quan về kỳ thi cuối cấp;
- Một phụ lục văn bằng (tổng quan các môn đã học, số giờ và số điểm);
- Một bản dịch công chứng (tiếng Hà Lan, tiếng Anh, tiếng Đức hoặc tiếng Pháp) văn bằng và danh sách điểm.

Một *Diplomă de Bacalaureat* bao gồm 1 trang có:

- Văn bằng (mặt trước);

- Kết quả thi (mặt sau).

Tên trên văn bằng

Các bằng thường viết họ của học sinh trước sau đó là tên riêng, được phân biệt với nhau bởi chữ cái đầu tên bố của học sinh. Những chữ cái đầu này không được viết trong hộ chiếu.

Xác minh

Văn bằng *Bacalaureat* có thể được xác minh tại trang web của Bộ Giáo dục (chỉ có tiếng Romania). Văn bằng xác minh được từ năm 2004 trở đi và có thể được tìm bằng năm học, ngày cấp bằng và tỉnh.

▪ Tổng quan các cơ sở giáo dục đại học

[Trang web Bộ Giáo dục](#) cung cấp tổng quan tất cả các cơ sở giáo dục tại Romania (bằng một vài ngôn ngữ):

- Một [danh sách](#) các cơ sở giáo dục công lập;
- Một [danh sách](#) các cơ sở giáo dục quân đội;
- Một [danh sách](#) các cơ sở giáo dục tư thục được công nhận;
- Một [danh sách](#) các cơ sở giáo dục tư thục có công nhận tạm thời.

▪ Liên kết hữu ích

- [Centrul National de Recunoaștere și Echivalare a Diplomelor](#) (CNRED), ENIC/NARIC Romania.
- [Bộ Giáo dục Quốc gia](#) bao gồm [tổng quan](#) những cơ sở giáo dục đại học được công nhận (trong một vài thứ tiếng).
- [Trang web của Cơ quan Đảm bảo Chất lượng Giáo dục Đại học Romania](#) – Agenția Română de Asigurare a Calității în Învățământul Superior (ARACIS).
- [Trang web Bacalaureat](#) của Bộ Giáo dục với kết quả từ năm 2004 (chỉ có tiếng Romania)